

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1660/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 320/TTr-STNMT và Tờ trình số 321/TTr-STNMT ngày 24 tháng 5 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.



Nguyễn Đức Chính

**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/UBND CẤP HUYỆN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>				
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị định 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</li> </ul>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>II LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>					
1	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	23 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Không quy định	- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>					
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang.	không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP. - Nghị định 41/2021/NĐ-CP. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND.
2	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang.	không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP. - Nghị định 41/2021/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 85/2019/TT-BTC - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND.
<b>II LĨNH VỰC BIÊN VÀ HẢI ĐẢO</b>					
1	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	58 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Không quy định	- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	43 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Không quy định	- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP
3	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	33 ngày làm việc	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Không quy định	- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	43 ngày làm việc	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang.	Không quy định	- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP



**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN****I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>				
1	Giao khu vực biển cấp huyện	43 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	43 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.
3	Trả lại khu vực biển cấp huyện	33 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cấp huyện	43 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.
5	Công nhận khu vực biển cấp huyện	23 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

